

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 44
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ giao dịch: Tầng 20 Tòa nhà Handico Tower, Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22/11/2021
Ông Phạm Văn Lương	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 22/11/2021
Ông Đặng Ngọc Tuấn Hiệp	Thành viên	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/11/2021
Bà Hoàng Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/11/2021
Ông Nguyễn Đức Kiên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/11/2021
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/11/2021

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/8/2021
Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 13/8/2021
Ông Trần Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07/12/2021
Ông Đào Việt Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/01/2022
Ông Nguyễn Hải Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/11/2021
Ông Phạm Tuấn Vũ	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 24/12/2021
Bà Lê Thị Ngọc	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 13/9/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Số : 50/2022/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP, được lập ngày 03 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Hải Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3407-2020-152-1

Trụ sở chính

29 Hoàng Sa, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 3910 3908 / Fax: 028 3910 4880
Email: namviet@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

P408 Tòa 17T1 đường Hoàng Đạo Thụ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội / Điện thoại: 024 6281.1281
Email: info@namviethn.vn / Web: www.aascn.com.vn

52 / CI 3N CH 1 4A

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.356.405.862.100	1.096.495.310.158
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	68.542.121.709	238.737.915.322
1.	Tiền	111		61.698.846.709	99.780.685.322
2.	Các khoản tương đương tiền	112		6.843.275.000	138.957.230.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	15.120.000.000	15.811.061.308
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.120.000.000	15.811.061.308
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.070.118.544.767	698.350.793.178
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	369.167.260.311	403.273.191.706
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	750.899.985.840	357.092.890.482
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	107.134.484.859	95.447.105.041
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(157.083.186.243)	(157.462.394.051)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.08	141.398.941.405	104.251.667.537
1.	Hàng tồn kho	141		141.398.941.405	104.251.667.537
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		61.226.254.219	39.343.872.813
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	1.408.996.186	144.139.474
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		46.939.480.317	26.506.255.630
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	12.877.777.716	12.693.477.709
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		296.578.530.897	295.298.139.560
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		58.077.782.185	52.777.354.956
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.05	57.845.282.185	52.544.854.956
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.06	232.500.000	232.500.000
II.	Tài sản cố định	220		9.458.696.149	8.069.188.128
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	5.744.207.514	8.069.188.128
	- Nguyên giá	222		41.546.951.032	41.374.968.162
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.802.743.518)	(33.305.780.034)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	3.714.488.635	-
	- Nguyên giá	225		4.227.272.727	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(512.784.092)	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	-	-
	- Nguyên giá	228		225.470.000	225.470.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(225.470.000)	(225.470.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	-	4.227.272.727
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	4.227.272.727
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	228.638.974.821	229.507.903.093
1.	Đầu tư vào công ty con	251		145.952.000.000	36.308.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		57.978.649.354	167.622.649.354
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.821.068.339	3.821.068.339
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.001.258.696)	(896.945.491)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		21.888.515.824	22.653.130.891
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		403.077.742	716.420.656
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	403.077.742	716.420.656
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.652.984.392.997	1.391.793.449.718

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.136.688.971.674	871.169.132.693
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.087.078.218.160	820.895.088.618
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	267.639.844.999	313.826.702.055
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	516.533.236.264	382.801.053.944
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	449.804.627	354.273.291
4.	Phải trả người lao động	314		5.362.057.786	4.249.546.775
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	85.744.226.944	15.115.818.058
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2.113.870.644	1.192.441.810
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	69.052.180.778	57.374.140.136
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	138.097.171.044	43.503.533.262
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.085.825.074	2.477.579.287
II.	Nợ dài hạn	330		49.610.753.514	50.274.044.075
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.20	47.903.080.982	46.784.452.375
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	1.707.672.532	3.489.591.700
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		516.295.421.323	520.624.317.025
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	516.295.421.323	520.624.317.025
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		419.080.000.000	419.080.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		52.625.676.545	52.625.676.545
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		(543.000.000)	(543.000.000)
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		5.835.678	(19.309.768)
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		19.544.113.527	19.544.113.527
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.582.795.573	29.936.836.721
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.105.980.934	17.915.632.658
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.476.814.639	12.021.204.063
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.652.984.392.997	1.391.793.449.718

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Vũ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	1.131.972.917.152	644.447.486.188
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	2.048.096.432	6.325.745.654
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.129.924.820.720	638.121.740.534
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	1.099.286.880.047	616.886.072.024
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.637.940.673	21.235.668.510
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	16.967.750.239	27.243.621.996
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	1.759.192.460	4.946.287.688
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.654.879.255</i>	<i>2.778.233.195</i>
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	36.932.767.117	41.919.582.208
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.913.731.335	1.613.420.610
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	3.758.412.270	11.585.326.829
12.	Chi phí khác	32	VI.07	4.195.328.966	1.177.543.376
13.	Lợi nhuận khác	40		(436.916.696)	10.407.783.453
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.476.814.639	12.021.204.063
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8.476.814.639	12.021.204.063

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Giang Thanh

Phạm Tuấn Vũ

Nguyễn Việt Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.308.864.059.382	847.571.311.932
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.519.117.211.638)	(727.923.956.076)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.835.803.417)	(21.182.861.722)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(1.580.590.503)	(8.896.620.885)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(70.407.746)	(509.300.803)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.727.802.312	13.351.648.176
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.716.292.334)	(33.359.321.984)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(257.728.443.944)	69.050.898.638
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(198.398.070)	(8.235.309.936)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	268.181.818
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.203.507.410)	(42.031.709.121)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		21.685.680.862	24.041.842.328
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	501.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.990.458.234	27.479.098.457
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.274.233.616	2.023.103.546

TÔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		163.700.866.706	76.770.355.339
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(69.998.188.508)	(62.805.168.363)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(890.959.584)	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.509.086.820)	(8.316.042.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		76.302.631.794	5.649.144.476
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(170.151.578.534)	76.723.146.660
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		238.737.915.322	162.056.971.650
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(44.215.079)	(42.202.988)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		68.542.121.709	238.737.915.322

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Vũ

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2021**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong năm hiện hành bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác;
- Cho thuê nhà, văn phòng;
- Buôn bán các vật liệu xây dựng;
- Cung cấp các dịch vụ sửa chữa mặt đường, cho thuê máy móc, thiết bị và các dịch vụ khác.

04. Cấu trúc doanh nghiệp**04.1 Thông tin về Công ty con**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	82,65%
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Đường Tân Xuân, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	65,00%
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án đầu tư xây dựng cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long (nay là Tổng Công ty Thăng Long – CTCP) và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 5 năm 2002. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 49,41%.

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (Hợp đồng BOT) về dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên lệnh đến nút giao Vực Vòng giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dựng Công trình Giao thông 4 ngày 27 tháng 2 năm 2015. Vốn góp của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 70%.

04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh:

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2021
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê công	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Khu phố ga, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	(**)

(*) Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao về dự án Đường 188 đoạn An Thái – Mạo Khê giữa Sở giao thông vận tải Hải Dương và Liên danh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội. Vốn góp của Tổng công ty vào dự án là 17.884.300.000 đồng, tương đương tỷ lệ là 22,03%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

05. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

06. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

07. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Tổng Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và các Công ty con, Công ty liên kết, liên doanh.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí SXKD của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện theo từng công trình, hạng mục. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là giảm giá hàng bán.

Khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp cung cấp và hoàn thành trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

18. Nguyên tắc chuyển đổi báo cáo tài chính đã lập bằng ngoại tệ sang VND

Tổng Công ty có một Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Campuchia, Báo cáo tài chính của Chi nhánh được lập bằng đồng ngoại tệ (USD). Tổng Công ty thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Campuchia ra đồng Việt Nam theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân năm.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.903.286.894	6.652.154.328
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.795.559.815	93.128.530.994
- Các khoản tương đương tiền (*)	6.843.275.000	138.957.230.000
Cộng	<u>68.542.121.709</u>	<u>238.737.915.322</u>

(*): Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a1. Ngắn hạn	15.120.000.000	15.120.000.000	15.811.061.308	15.811.061.308
+ Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	15.120.000.000	15.120.000.000	15.811.061.308	15.811.061.308
a2. Dài hạn	21.888.515.824	21.888.515.824	22.653.130.891	22.653.130.891
+ Tiền gửi có kỳ hạn ^(**)	21.888.515.824	21.888.515.824	22.653.130.891	22.653.130.891
Cộng	37.008.515.824	37.008.515.824	38.464.192.199	38.464.192.199

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,5%/năm.

(**): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất 4,9%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính : VND

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% số hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% số hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			145.952.000.000		-			36.308.000.000		-
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	82,65	82,65	33.058.000.000	(*)	-	82,65	82,65	33.058.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-	65,00	65,00	3.250.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	64,30	64,30	109.644.000.000	(*)	-			-	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			57.978.649.354		(1.001.258.696)			167.622.649.354		(896.945.491)
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh			-	-	-	64,30	64,30	109.644.000.000	(*)	-
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui - Thăng Long	45,55	45,55	27.797.662.360	(*)	-	45,55	45,55	27.797.662.360	(*)	-
- Công ty TNHH BOT đường 188	22,03	22,03	17.844.300.000	(*)	-	22,03	22,03	17.844.300.000	(*)	-
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	49,00	49,00	12.336.686.994	(*)	(1.001.258.696)	49,00	49,00	12.336.686.994	(*)	(896.945.491)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

	Số cuối năm					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			3.821.068.339		-			3.821.068.339		-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-	16,16	16,16	1.807.850.307	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-	16,89	16,89	300.000.000	(*)	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-	15,00	15,00	1.713.218.032	(*)	-
Cộng			207.751.717.693		(1.001.258.696)			207.751.717.693		(896.945.491)

(*): Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:
Đơn vị tính: VND

Tên Công ty liên kết, liên doanh và nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm	5.695.438.657	15.389.941.532
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	-	661.160.000
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	195.000.000	162.500.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	1.992.767.264	3.503.323.730
- Công ty TNHH BOT đường 188	3.507.671.393	11.062.957.802
Doanh thu trong năm	2.678.786.090	5.156.103.281
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	1.101.225.781	137.504.563
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	545.749.637	599.262.228
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	-	3.385.905.818
- Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui Thăng Long	417.060.000	418.680.000
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	614.750.672	614.750.672
Mua nguyên vật liệu	6.330.047.122	-
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	6.330.047.122	-
Chi phí thuê phụ trong năm	374.333.872.589	125.932.814.700
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	300.268.109.656	8.374.897.812
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	74.065.762.933	117.557.916.888
Lãi từ tiền ứng trước hợp đồng thuê phụ	119.964.191	932.017.330
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	119.964.191	242.000.495
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	-	53.013.699
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	-	637.003.136
Lãi từ tiền cho vay	4.039.138.720	3.547.002.015
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	4.039.138.720	3.547.002.015
Chuyển tiền cho vay	3.337.200.691	41.944.049.051
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	3.337.200.691	41.944.049.051
03. Phải thu của khách hàng		
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	369.167.260.311	403.273.191.706
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực xây dựng	328.933.872.691	372.492.383.867
- Phải thu của khách hàng lĩnh vực khác	40.233.387.620	30.780.807.839
Cộng	369.167.260.311	403.273.191.706

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	80.624.596.562	92.227.433.677
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	1.908.967.369	1.876.391.869
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	5.940.883.346	9.474.844.242
- Công ty Cổ phần Tasco	72.574.745.847	80.554.905.469
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long Mê Kông	200.000.000	321.292.097
Cộng	80.624.596.562	92.227.433.677

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	750.899.985.840	357.092.890.482
- Trả trước cho người bán lĩnh vực xây dựng	714.660.283.238	349.076.594.676
- Trả trước cho người bán lĩnh vực khác	36.239.702.602	8.016.295.806
Cộng	750.899.985.840	357.092.890.482

b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	41.075.008.142	47.530.618.141
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	32.662.403.142	28.530.618.141
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	8.412.605.000	19.000.000.000
Cộng	41.075.008.142	47.530.618.141

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu về cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	57.845.282.185	-	52.544.854.956	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh ^(a)	45.929.482.185	-	40.483.454.956	-
- Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco I ^(b)	11.915.800.000	-	12.061.400.000	-
Cộng	57.845.282.185	-	52.544.854.956	-

(a): Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2018/HĐVV/TLG-BOT ngày 01 tháng 4 năm 2018, thời hạn 96 tháng và Hợp đồng số 08/2019/HĐVV.TLG-BOTYL ngày 10 tháng 12 năm 2019, thời gian cho vay là 84 tháng, lãi suất áp dụng theo lãi suất của khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu tại thời điểm giải ngân.

(b): Là khoản cho Công ty TNHH Liên danh Ilsung & Cienco 1 vay để bổ sung vốn thực hiện thi công dự án: “Nâng cấp đường Quốc lộ 5 (Đoạn Thlea Ma’am – Battambang và Sri Saphorn – Poipet)”.

b. Phải thu về cho vay là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	45.929.482.185	-	40.483.454.956	-
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	45.929.482.185	-	40.483.454.956	-
Cộng	45.929.482.185	-	40.483.454.956	-

06. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	107.134.484.859	-	95.447.105.041	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.082.626.919	-	10.082.626.919	-
- Tạm ứng	77.684.926.475	-	70.908.862.673	-
- Phải thu khác	19.366.931.465	-	14.455.615.449	-
+ Ban điều hành dự án	10.819.108.721	-	10.821.257.757	-
+ Lãi dự thu	266.337.410	-	546.281.893	-
+ Phải thu các đối tượng khác	8.281.485.334	-	3.088.075.799	-
b. Dài hạn	232.500.000	-	232.500.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	232.500.000	-	232.500.000	-
Cộng	107.366.984.859	-	95.679.605.041	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	11.519.334.000	-	9.721.018.379	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	35.587.816.315	-	35.587.816.315	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	67.045.148.477	-	66.169.210.971	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Hùng Vũ	17.649.396.088	-	17.649.396.088	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng số mười bảy Thăng Long	15.377.878.618	-	14.713.487.460	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	9.702.615.048	-	13.419.920.605	-
- Các đối tượng khác	200.997.697	-	201.544.233	-
Cộng	157.083.186.243	-	157.462.394.051	-

08. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	141.398.941.405	-	104.251.667.537	-
Cộng	141.398.941.405	-	104.251.667.537	-

09. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	-	4.227.272.727
- Tài sản thuê tài chính chưa hoàn thành để đưa vào sử dụng ^(*)	-	4.227.272.727
Cộng	-	4.227.272.727

(*) Trong năm 2021, Tổng Công ty đã hoàn thành và đưa tài sản thuê tài chính vào sử dụng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	33.984.840.058	1.275.725.000	4.794.685.754	1.319.717.350	41.374.968.162
- Mua trong năm	-	198.398.070	-	-	198.398.070
- Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác ^(*)	-	(15.400.000)	(11.015.200)	-	(26.415.200)
Số dư cuối năm	33.984.840.058	1.458.723.070	4.783.670.554	1.319.717.350	41.546.951.032
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	29.937.189.849	15.946.563	2.032.926.272	1.319.717.350	33.305.780.034
- Khấu hao trong năm	1.599.858.384	508.319.330	390.420.470	-	2.498.598.184
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác ^(*)	-	(192.500)	(1.442.200)	-	(1.634.700)
Số dư cuối năm	31.537.048.233	524.073.393	2.421.904.542	1.319.717.350	35.802.743.518
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	4.047.650.209	1.259.778.437	2.761.759.482	-	8.069.188.128
2. Tại ngày cuối năm	2.447.791.825	934.649.677	2.361.766.012	-	5.744.207.514

(*) : Giảm do ghi nhận chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long – CTCP tại Campuchia từ ngoại tệ sang VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 7.100.338.320 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Thuê tài chính trong năm ^(*)	4.227.272.727	4.227.272.727
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	4.227.272.727	4.227.272.727
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-
- Khấu hao trong năm	512.784.092	512.784.092
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	512.784.092	512.784.092
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	3.714.488.635	3.714.488.635

(*): Tài sản cố định thuê tài chính tăng trong năm từ số dư Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thuyết minh số V.09.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	225.470.000	225.470.000
- Mua trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	225.470.000	225.470.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	225.470.000	225.470.000
- Khấu hao trong năm	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	225.470.000	225.470.000
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là: 225.470.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.408.996.186	144.139.474
- Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	136.601.099	144.139.474
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.272.395.087	-
b. Dài hạn	403.077.742	716.420.656
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	115.692.386	51.884.583
- Chi phí trả trước khác	287.385.356	664.536.073
Cộng	<u>1.812.073.928</u>	<u>860.560.130</u>

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	43.503.533.262	43.503.533.262	164.591.826.290	69.998.188.508	138.097.171.044	138.097.171.044
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>43.503.533.262</i>	<i>43.503.533.262</i>	<i>137.251.074.425</i>	<i>69.998.188.508</i>	<i>110.756.419.179</i>	<i>110.756.419.179</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long	26.305.524.994	26.305.524.994	-	26.305.524.994	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (a)	13.985.008.268	13.985.008.268	87.539.830.253	21.991.249.161	79.533.589.360	79.533.589.360
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm (b)	3.213.000.000	3.213.000.000	27.482.183.615	3.213.000.000	27.482.183.615	27.482.183.615
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Campuchia (c)	-	-	22.229.060.557	18.488.414.353	3.740.646.204	3.740.646.204
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>18.174.751.865</i>	<i>-</i>	<i>18.174.751.865</i>	<i>18.174.751.865</i>
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội (f)	-	-	890.959.584	-	890.959.584	890.959.584
- Vay cán bộ công nhân viên (e)	-	-	17.283.792.281	-	17.283.792.281	17.283.792.281
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>9.166.000.000</i>	<i>-</i>	<i>9.166.000.000</i>	<i>9.166.000.000</i>
- Vay cán bộ công nhân viên (d)	-	-	9.166.000.000	-	9.166.000.000	9.166.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.489.591.700	3.489.591.700	17.283.792.281	19.065.711.449	1.707.672.532	1.707.672.532
<i>Vay đối tượng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>17.283.792.281</i>	<i>17.283.792.281</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Vay cán bộ công nhân viên (e)	-	-	17.283.792.281	17.283.792.281	-	-
<i>Nợ thuê tài chính</i>	<i>3.489.591.700</i>	<i>3.489.591.700</i>	<i>-</i>	<i>1.781.919.168</i>	<i>1.707.672.532</i>	<i>1.707.672.532</i>
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội (f)	3.489.591.700	3.489.591.700	-	1.781.919.168	1.707.672.532	1.707.672.532
Cộng	46.993.124.962	46.993.124.962	181.875.618.571	89.063.899.957	139.804.843.576	139.804.843.576

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- a. Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội theo hợp đồng số 01/2021/161762/HĐTDHM ngày 30 tháng 06 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 1.300.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 1.100.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức tối đa đến 15/6/2022, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản bảo đảm là các khoản lợi thu được từ khai thác giá trị quyền sử dụng đất tại số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và hợp đồng tiền gửi giá trị 18.000.000.000 đồng (lãi suất 3,7%/năm) tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội.
- b. Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng số 350/2020/HDTD/NHN/01 ngày 18 tháng 01 năm 2021. Hạn mức tín dụng là 500.000.000.000 đồng (trong đó hạn mức cho vay là 200.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh là 300.000.000.000 đồng). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn mỗi khoản vay trong hạn mức không vượt quá 09 tháng, lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này không có bảo đảm.
- c. Là khoản vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/134013/2021-BIDC ngày 05 tháng 02 năm 2021 nhằm bổ sung vốn lưu động để thực hiện gói thầu số 01: Nâng cấp đường quốc lộ số 05 và xây mới đường tránh Pursat khu Thlea Ma'am – Pursat, Km171+200 – Km191+000, L=19,8 Km theo hợp đồng xây dựng số 01/2019/HĐXD ngày 21/8/2019 giữa Công ty TNHH liên danh IISUNG & CIENCO I và Tổng Công ty Thăng Long – CTCP. Hạn mức cho vay 300.000 USD, thời hạn cấp tín dụng hạn 12 tháng kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2021, lãi suất 9%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là toàn bộ khoản phải thu Công ty TNHH liên danh IISUNG & CIENCO I từ hợp đồng nêu trên. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 là: 163.240,07 USD.
- d. Là khoản vay cá nhân theo hợp đồng số 002/2021 ngày 19/5/2021, số tiền vay là 400.000 USD, thời hạn vay 01 năm kể từ ngày nhận tiền, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 là: 400.000 USD.
- e. Là khoản vay cá nhân theo hợp đồng ngày 30/9/2021, số tiền vay là 3.000.000 USD, thời hạn vay từ 01/10/2021 đến hết 31/12/2022, lãi suất vay 0%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 là: 754.256,7 USD.
- f. Khoản nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21720000347/HĐCTTC ngày 18/12/2020 để thuê tài sản là Cầu trục bánh lốp SANY. Thời hạn 48 tháng, lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội giải ngân khoản tiền đặt cho bên cung cấp.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	1.177.295.658	286.286.074	890.959.584	-	-	-
+ Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST - Chi nhánh Hà Nội	1.177.295.658	286.286.074	890.959.584	-	-	-
Cộng	1.177.295.658	286.286.074	890.959.584	-	-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	267.639.844.999	267.639.844.999	313.826.702.055	313.826.702.055
- Phải trả người bán lĩnh vực xây dựng	249.628.640.292	249.628.640.292	311.652.273.272	311.652.273.272
- Phải trả người bán lĩnh vực khác	18.011.204.707	18.011.204.707	2.174.428.783	2.174.428.783
Cộng	267.639.844.999	267.639.844.999	313.826.702.055	313.826.702.055

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	32.970.738.808	32.970.738.808	60.955.287.592	60.955.287.592
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	10.789.618.966	10.789.618.966	5.123.782.313	5.123.782.313
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	22.181.119.842	22.181.119.842	55.831.505.279	55.831.505.279
Cộng	32.970.738.808	32.970.738.808	60.955.287.592	60.955.287.592

16. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	516.533.236.264	516.533.236.264	382.801.053.944	382.801.053.944
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực xây dựng	516.533.236.264	516.533.236.264	382.801.053.944	382.801.053.944
- Người mua trả tiền trước lĩnh vực khác	-	-	-	-
Cộng	516.533.236.264	516.533.236.264	382.801.053.944	382.801.053.944

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số phải thu đầu năm</u>	<u>Số phải nộp đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số phải thu cuối năm</u>	<u>Số phải nộp cuối năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	11.312.067.423	-	19.410.308.666	19.524.200.927	11.425.959.684	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.381.410.286	-	-	70.407.746	1.451.818.032	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	151.773.263	963.821.704	922.813.043	-	192.781.924
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.270.779	4.025.279.307	3.968.578.039	-	60.972.047
- Các loại thuế khác	-	198.229.249	33.643.750	35.822.343	-	196.050.656
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	5.728.750	5.728.750	-	-
Cộng	<u>12.693.477.709</u>	<u>354.273.291</u>	<u>24.438.782.177</u>	<u>24.527.550.848</u>	<u>12.877.777.716</u>	<u>449.804.627</u>

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	85.744.226.944	15.115.818.058
- Chi phí lãi vay	74.288.752	-
- Trích trước chi phí thi công công trình	85.669.938.192	15.115.818.058
Cộng	85.744.226.944	15.115.818.058

19. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	2.113.870.644	1.192.441.810
- Doanh thu nhận trước	2.113.870.644	1.192.441.810
Cộng	2.113.870.644	1.192.441.810

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	69.052.180.778	57.374.140.136
- Kinh phí công đoàn	48.216.344	31.156.580
- Bảo hiểm xã hội	185.629.858	160.538.950
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	435.520.180	4.388.497.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	68.382.814.396	52.793.947.606
+ <i>Đội thi công công trình</i>	<i>60.009.514.866</i>	<i>40.238.502.043</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>8.373.299.530</i>	<i>12.555.445.563</i>
<i>b. Dài hạn</i>	47.903.080.982	46.784.452.375
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.903.080.982	46.784.452.375
+ <i>Công ty TNHH BOT đường 188^(*)</i>	<i>13.241.421.307</i>	<i>12.122.792.700</i>
+ <i>Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh^(*)</i>	<i>34.661.659.675</i>	<i>34.661.659.675</i>
Cộng	116.955.261.760	104.158.592.511

(*) Tiền thu hoàn vốn đầu tư của các dự án BOT chờ quyết toán.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	119.179	19.544.113.527	30.471.742.658	521.178.651.909
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	12.021.204.063	12.021.204.063
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(12.556.110.000)	(12.556.110.000)
Giảm khác	-	-	-	(19.428.947)	-	-	(19.428.947)
Số dư cuối năm trước	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	(19.309.768)	19.544.113.527	29.936.836.721	520.624.317.025
Số dư đầu năm nay							
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	8.476.814.639	8.476.814.639
Tăng khác ^(*)	-	-	-	25.145.446	-	-	25.145.446
Phân phối lợi nhuận trong năm nay ^(**)	-	-	-	-	-	(12.830.855.787)	(12.830.855.787)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	419.080.000.000	52.625.676.545	(543.000.000)	5.835.678	19.544.113.527	25.582.795.573	516.295.421.323

(*): Tăng Chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính của Chi nhánh Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tại Campuchia từ đồng ngoại tệ sang Việt Nam đồng.

(**): Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	274.745.787
Trích cổ tức chi trả	12.556.110.000
Cộng	12.830.855.787

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	25,055	105.000.000.000	25,055
- Vốn góp của các cổ đông khác	314.080.000.000	74,945	314.080.000.000	74,945
Cộng	419.080.000.000	100	419.080.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	419.080.000.000	419.080.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	419.080.000.000	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.556.110.000	12.556.110.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.556.110.000	12.556.110.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	41.908.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	41.908.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	54.300	54.300
+ Cổ phiếu phổ thông	54.300	54.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu phổ thông	41.853.700	41.853.700
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Tổng Công ty

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	19.544.113.527	19.544.113.527
Cộng	19.544.113.527	19.544.113.527

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	57.680,49	241.372,95
- JPY	24.109,00	24.109,00

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.105.059.473.078	626.937.897.355
- Doanh thu các hoạt động khác	26.913.444.074	17.509.588.833
Cộng	1.131.972.917.152	644.447.486.188

	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Tasco	-	838.441.475
Cộng	-	838.441.475

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	2.048.096.432	6.325.745.654
Cộng	2.048.096.432	6.325.745.654

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	1.080.823.347.200	609.009.378.425
- Giá vốn các hoạt động khác	18.463.532.847	7.876.693.599
Cộng	1.099.286.880.047	616.886.072.024

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.272.311.582	11.853.680.464
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.695.438.657	15.389.941.532
Cộng	16.967.750.239	27.243.621.996

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	1.654.879.255	2.778.233.195
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	5.599.307.611
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	104.313.205	(3.431.530.243)
- Các khoản chi phí tài chính khác	-	277.125
Cộng	1.759.192.460	4.946.287.688

06. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	268.181.818
- Thanh lý công cụ dụng cụ	2.300.000	5.209.091
- Tiền phạt thu được	19.000.000	-
- Các khoản khác	3.737.112.270	11.311.935.920
Cộng	3.758.412.270	11.585.326.829

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Tiền phạt vi phạm hành chính	-	679.829.580
- Các khoản khác	4.195.328.966	497.713.796
Cộng	4.195.328.966	1.177.543.376

08. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>40.650.072.674</i>	<i>41.919.582.208</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	16.769.408.938	17.891.670.323
- Chi phí vật liệu quản lý	16.747.287	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	204.637.421	154.527.894
- Chi phí khấu hao TSCĐ	836.866.115	442.329.204
- Thuế, phí và lệ phí	310.649.372	283.041.497
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.188.801.278	10.723.642.736
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.984.864.514	1.618.765.596
- Chi phí trích lập dự phòng	3.338.097.749	10.805.604.957
<i>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(3.717.305.557)</i>	<i>-</i>
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.717.305.557)	-
Cộng	36.932.767.117	41.919.582.208

09. Chi phí theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	184.679.122.283	56.123.624.028
- Chi phí nhân công	32.219.946.777	21.626.177.562
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.498.598.184	1.671.449.465
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.090.936.716	160.672.954.920
- Chi phí khác bằng tiền	12.601.403.629	5.435.928.636
- Chi phí thuê phụ	877.810.447.778	427.099.388.629
- Chi phí dự phòng	(379.207.808)	10.805.604.957
Cộng	1.173.521.247.559	683.435.128.197

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Lãi tiền gửi, tiền cho vay nhập gốc trong năm số tiền 2.326.924.306 đồng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	3.095.090.833	3.234.705.103
Cộng	<u>3.095.090.833</u>	<u>3.234.705.103</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty Cổ phần Tasco	Cổ đông nắm giữ 38,61% vốn điều lệ
- Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Công ty con
- Công ty Cổ phần Cầu 35 Thăng Long	Công ty con
- Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Công ty con
- Công ty TNHH Bê tông Thăng Long - Mê Kông	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH Kết cấu Thép Mitsui Thăng Long	Công ty liên doanh
- Công ty TNHH BOT Đường 188	Công ty liên doanh

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục V.02, VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm thanh toán phải thu	3.319.840.378	-
- Công ty Cổ phần Tasco	3.319.840.378	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.05 và V.15, các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh		
- Phải thu ngắn hạn khác (Lãi tiền cho vay)	3.305.999.194	1.375.687.012
Cộng nợ phải thu	<u>3.305.999.194</u>	<u>1.375.687.012</u>
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh		
- Phải trả dài hạn khác	34.661.659.675	34.661.659.675
Công ty TNHH BOT đường 188		
- Phải trả dài hạn khác	13.241.421.307	12.122.792.700
Cộng nợ phải trả	<u>47.903.080.982</u>	<u>46.784.452.375</u>

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính trong năm như sau:

- Lĩnh vực 1: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Lĩnh vực 2: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, thuê văn phòng, thu phí đường bộ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Cộng
Năm nay			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.103.011.376.646	26.913.444.074	1.129.924.820.720
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	1.102.030.112.118	18.980.977.267	1.121.011.089.385
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	981.264.528	7.932.466.807	8.913.731.335
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	198.398.070	-	198.398.070
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.384.705.197	1.657.530.195	5.042.235.392
Số dư cuối năm nay			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.260.542.916.657	80.140.379.810	1.340.683.296.467
- Tài sản không phân bổ			312.301.096.530
Tổng tài sản	1.260.542.916.657	80.140.379.810	1.652.984.392.997
- Nợ phải trả bộ phận	1.110.285.675.543	24.317.471.057	1.134.603.146.600
- Nợ phải trả không phân bổ			2.085.825.074
Tổng nợ phải trả	1.110.285.675.543	24.317.471.057	1.136.688.971.674

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Lĩnh vực 1	Lĩnh vực 2	Cộng
Năm trước			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	620.612.151.701	17.509.588.833	638.121.740.534
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	628.093.206.348	8.415.113.576	636.508.319.924
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(7.481.054.647)	9.094.475.257	1.613.420.610
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	4.133.107.535	3.528.661	4.136.636.196
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	627.120.950	1.231.096.729	1.858.217.679
Số dư cuối năm trước			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	896.165.158.746	7.344.138.522	903.509.297.268
- Tài sản không phân bổ			488.284.152.450
Tổng tài sản	896.165.158.746	7.344.138.522	1.391.793.449.718
- Nợ phải trả bộ phận	864.385.016.875	4.306.536.531	868.691.553.406
- Nợ phải trả không phân bổ			2.477.579.287
Tổng nợ phải trả	864.385.016.875	4.306.536.531	871.169.132.693

Khu vực địa lý :

Tổng Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam (Campuchia)	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.074.024.330.319	55.900.490.401	1.129.924.820.720
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	1.274.356.004.270	66.327.292.197	1.340.683.296.467
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	188.582.771	9.815.299	198.398.070

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.542.121.709	-	238.737.915.322	-	68.542.121.709	238.737.915.322
Phải thu khách hàng và phải thu khác	398.616.818.695	(157.083.186.243)	427.811.434.074	(157.462.394.051)	241.533.632.452	270.349.040.023
Phải thu về cho vay	57.845.282.185	-	52.544.854.956	-	57.845.282.185	52.544.854.956
Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng)	15.120.000.000	-	15.811.061.308	-	15.120.000.000	15.811.061.308
Đầu tư tài chính dài hạn (Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng)	21.888.515.824	-	22.653.130.891	-	21.888.515.824	22.653.130.891
Cộng	562.012.738.413	(157.083.186.243)	757.558.396.551	(157.462.394.051)	404.929.552.170	600.096.002.500

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	267.639.844.999	313.826.702.055	267.639.844.999	313.826.702.055
Vay và nợ	139.804.843.576	46.993.124.962	139.804.843.576	46.993.124.962
Chi phí phải trả	85.744.226.944	15.115.818.058	85.744.226.944	15.115.818.058
Các khoản phải trả khác	116.721.415.558	103.966.896.981	116.721.415.558	103.966.896.981
Cộng	609.910.331.077	479.902.542.056	609.910.331.077	479.902.542.056

Ghi chú: Giá trị hợp lý của Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	267.639.844.999	-	-	267.639.844.999
Vay và nợ	138.097.171.044	1.707.672.532	-	139.804.843.576
Chi phí phải trả	85.744.226.944	-	-	85.744.226.944
Các khoản phải trả khác	68.818.334.576	47.903.080.982	-	116.721.415.558
Cộng	560.299.577.563	49.610.753.514	-	609.910.331.077
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	313.826.702.055	-	-	313.826.702.055
Vay và nợ	43.503.533.262	3.489.591.700	-	46.993.124.962
Chi phí phải trả	15.115.818.058	-	-	15.115.818.058
Các khoản phải trả khác	57.182.444.606	46.784.452.375	-	103.966.896.981
Cộng	429.628.497.981	50.274.044.075	-	479.902.542.056

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Giang Thanh

Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Vũ

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Việt Hà